



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 92 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 22 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thiết lập mới hệ thống 117 báo hiệu hàng hải chuyên dùng công trình Đường dây 220kV Kiên Bình - Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

KGG - TG - 03 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Kiên Giang

Tên báo hiệu: Hệ thống 177 báo hiệu hàng hải chuyên dùng công trình Đường dây 220kV Kiên Bình - Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Đơn đề nghị số 3321/TB-ADLMN ngày 12/4/2024 của Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam về việc công bố thông báo hàng hải Thông số kỹ thuật hệ thống báo hiệu hàng hải công trình Đường dây 220kV Kiên Bình - Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo thông báo thiết lập mới hệ thống 117 báo hiệu hàng hải chuyên dùng công trình Đường dây 220kV Kiên Bình - Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang như sau:

- Vị trí thiết lập báo hiệu: lắp đặt trên các móng trụ thuộc công trình Đường dây 220kV Kiên Bình- Phú Quốc;

- Tác dụng: báo hiệu công trình Đường dây 220kV Kiên Bình- Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ địa lý: tọa độ thiết lập báo hiệu lấy theo tọa độ 117 vị trí móng trụ tương ứng (từ vị trí móng trụ T38 đến vị trí móng trụ T154), chi tiết theo bảng sau:

Tên trụ	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T38	10°14'06,11"N	104°34'46,77"E	10°14'02,48"N	104°34'53,21"E
T39	10°14'14,89"N	104°34'34,93"E	10°14'11,26"N	104°34'41,36"E
T40	10°14'26,59"N	104°34'19,14"E	10°14'22,96"N	104°34'25,58"E
T41	10°14'35,37"N	104°34'07,30"E	10°14'31,74"N	104°34'13,74"E
T42	10°14'35,55"N	104°33'54,16"E	10°14'31,92"N	104°34'00,59"E
T43	10°14'35,82"N	104°33'34,44"E	10°14'32,19"N	104°33'40,88"E
T44	10°14'36,08"N	104°33'14,72"E	10°14'32,46"N	104°33'21,16"E

Tên trụ	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T45	10°14'36,35"N	104°32'55,01"E	10°14'32,73"N	104°33'01,44"E
T46	10°14'36,62"N	104°32'35,29"E	10°14'33,00"N	104°32'41,73"E
T47	10°14'36,89"N	104°32'15,58"E	10°14'33,27"N	104°32'22,01"E
T48	10°14'37,16"N	104°31'55,86"E	10°14'33,54"N	104°32'02,30"E
T49	10°14'37,43"N	104°31'36,14"E	10°14'33,80"N	104°31'42,58"E
T50	10°14'37,61"N	104°31'23,00"E	10°14'33,98"N	104°31'29,44"E
T51	10°14'37,78"N	104°31'09,86"E	10°14'34,16"N	104°31'16,29"E
T52	10°14'38,05"N	104°30'50,14"E	10°14'34,43"N	104°30'56,58"E
T53	10°14'38,32"N	104°30'30,43"E	10°14'34,69"N	104°30'36,86"E
T54	10°14'38,58"N	104°30'10,71"E	10°14'34,96"N	104°30'17,15"E
T55	10°14'38,85"N	104°29'50,99"E	10°14'35,23"N	104°29'57,43"E
T56	10°14'39,12"N	104°29'31,28"E	10°14'35,49"N	104°29'37,71"E
T57	10°14'39,38"N	104°29'11,56"E	10°14'35,76"N	104°29'18,00"E
T58	10°14'39,65"N	104°28'51,85"E	10°14'36,02"N	104°28'58,28"E
T59	10°14'39,82"N	104°28'38,70"E	10°14'36,20"N	104°28'45,14"E
T60	10°14'40,00"N	104°28'25,56"E	10°14'36,38"N	104°28'31,99"E
T61	10°14'40,26"N	104°28'05,84"E	10°14'36,64"N	104°28'12,28"E
T62	10°14'40,53"N	104°27'46,12"E	10°14'36,91"N	104°27'52,56"E
T63	10°14'40,79"N	104°27'26,41"E	10°14'37,17"N	104°27'32,85"E
T64	10°14'41,05"N	104°27'06,69"E	10°14'37,43"N	104°27'13,13"E
T65	10°14'41,32"N	104°26'46,98"E	10°14'37,70"N	104°26'53,41"E
T66	10°14'41,58"N	104°26'27,26"E	10°14'37,96"N	104°26'33,70"E
T67	10°14'41,84"N	104°26'07,54"E	10°14'38,22"N	104°26'13,98"E
T68	10°14'42,02"N	104°25'54,40"E	10°14'38,40"N	104°26'00,84"E
T69	10°14'42,19"N	104°25'41,26"E	10°14'38,57"N	104°25'47,69"E
T70	10°14'42,45"N	104°25'21,54"E	10°14'38,83"N	104°25'27,98"E
T71	10°14'42,71"N	104°25'01,82"E	10°14'39,09"N	104°25'08,26"E
T72	10°14'42,98"N	104°24'42,11"E	10°14'39,35"N	104°24'48,55"E
T73	10°14'43,24"N	104°24'22,39"E	10°14'39,61"N	104°24'28,83"E
T74	10°14'43,50"N	104°24'02,68"E	10°14'39,88"N	104°24'09,11"E
T75	10°14'43,76"N	104°23'42,96"E	10°14'40,14"N	104°23'49,40"E
T76	10°14'44,02"N	104°23'23,24"E	10°14'40,39"N	104°23'29,68"E

Tên trụ	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T77	10°14'44,19"N	104°23'10,10"E	10°14'40,57"N	104°23'16,54"E
T78	10°14'38,00"N	104°22'58,53"E	10°14'34,38"N	104°23'04,97"E
T79	10°14'28,72"N	104°22'41,18"E	10°14'25,10"N	104°22'47,62"E
T80	10°14'19,44"N	104°22'23,83"E	10°14'15,82"N	104°22'30,27"E
T81	10°14'10,16"N	104°22'06,49"E	10°14'06,54"N	104°22'12,92"E
T82	10°14'00,88"N	104°21'49,14"E	10°13'57,26"N	104°21'55,57"E
T83	10°13'51,60"N	104°21'31,79"E	10°13'47,98"N	104°21'38,23"E
T84	10°13'42,32"N	104°21'14,44"E	10°13'38,70"N	104°21'20,88"E
T85	10°13'33,03"N	104°20'57,09"E	10°13'29,41"N	104°21'03,53"E
T86	10°13'26,85"N	104°20'45,53"E	10°13'23,23"N	104°20'51,97"E
T87	10°13'20,66"N	104°20'33,96"E	10°13'17,04"N	104°20'40,40"E
T88	10°13'11,38"N	104°20'16,62"E	10°13'07,76"N	104°20'23,05"E
T89	10°13'02,09"N	104°19'59,27"E	10°12'58,47"N	104°20'05,71"E
T90	10°12'52,81"N	104°19'41,92"E	10°12'49,19"N	104°19'48,36"E
T91	10°12'43,53"N	104°19'24,58"E	10°12'39,91"N	104°19'31,01"E
T92	10°12'34,24"N	104°19'07,23"E	10°12'30,62"N	104°19'13,67"E
T93	10°12'24,96"N	104°18'49,89"E	10°12'21,34"N	104°18'56,32"E
T94	10°12'18,77"N	104°18'38,32"E	10°12'15,15"N	104°18'44,76"E
T95	10°12'12,58"N	104°18'26,76"E	10°12'08,96"N	104°18'33,20"E
T96	10°12'03,30"N	104°18'09,41"E	10°11'59,68"N	104°18'15,85"E
T97	10°11'54,01"N	104°17'52,07"E	10°11'50,39"N	104°17'58,51"E
T98	10°11'44,73"N	104°17'34,72"E	10°11'41,11"N	104°17'41,16"E
T99	10°11'35,44"N	104°17'17,38"E	10°11'31,82"N	104°17'23,82"E
T100	10°11'26,16"N	104°17'00,04"E	10°11'22,54"N	104°17'06,47"E
T101	10°11'16,87"N	104°16'42,69"E	10°11'13,25"N	104°16'49,13"E
T102	10°11'10,68"N	104°16'31,13"E	10°11'07,06"N	104°16'37,57"E
T103	10°11'04,49"N	104°16'19,57"E	10°11'00,87"N	104°16'26,01"E
T104	10°10'55,20"N	104°16'02,23"E	10°10'51,59"N	104°16'08,66"E
T105	10°10'45,92"N	104°15'44,88"E	10°10'42,30"N	104°15'51,32"E
T106	10°10'36,63"N	104°15'27,54"E	10°10'33,01"N	104°15'33,98"E
T107	10°10'27,35"N	104°15'10,20"E	10°10'23,73"N	104°15'16,64"E
T108	10°10'18,06"N	104°14'52,86"E	10°10'14,44"N	104°14'59,29"E

Tên trụ	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T109	10°10'08,77"N	104°14'35,52"E	10°10'05,15"N	104°14'41,95"E
T110	10°10'02,58"N	104°14'23,96"E	10°09'58,96"N	104°14'30,39"E
T111	10°09'55,81"N	104°14'13,31"E	10°09'52,20"N	104°14'19,75"E
T112	10°09'45,45"N	104°13'56,99"E	10°09'41,83"N	104°14'03,43"E
T113	10°09'35,08"N	104°13'40,68"E	10°09'31,46"N	104°13'47,11"E
T114	10°09'24,71"N	104°13'24,36"E	10°09'21,09"N	104°13'30,80"E
T115	10°09'14,34"N	104°13'08,05"E	10°09'10,72"N	104°13'14,48"E
T116	10°09'03,97"N	104°12'51,73"E	10°09'00,35"N	104°12'58,17"E
T117	10°08'53,60"N	104°12'35,41"E	10°08'49,99"N	104°12'41,85"E
T118	10°08'43,23"N	104°12'19,10"E	10°08'39,62"N	104°12'25,54"E
T119	10°08'36,47"N	104°12'08,45"E	10°08'32,85"N	104°12'14,89"E
T120	10°08'29,70"N	104°11'57,81"E	10°08'26,08"N	104°12'04,24"E
T121	10°08'19,33"N	104°11'41,49"E	10°08'15,71"N	104°11'47,93"E
T122	10°08'08,96"N	104°11'25,18"E	10°08'05,34"N	104°11'31,62"E
T123	10°07'58,59"N	104°11'08,87"E	10°07'54,97"N	104°11'15,30"E
T124	10°07'48,22"N	104°10'52,55"E	10°07'44,60"N	104°10'58,99"E
T125	10°07'37,85"N	104°10'36,24"E	10°07'34,23"N	104°10'42,68"E
T126	10°07'27,48"N	104°10'19,93"E	10°07'23,86"N	104°10'26,36"E
T127	10°07'17,11"N	104°10'03,62"E	10°07'13,49"N	104°10'10,05"E
T128	10°07'10,34"N	104°09'52,97"E	10°07'06,72"N	104°09'59,40"E
T129	10°07'03,57"N	104°09'42,33"E	10°06'59,96"N	104°09'48,76"E
T130	10°06'53,20"N	104°09'26,01"E	10°06'49,58"N	104°09'32,45"E
T131	10°06'42,83"N	104°09'09,70"E	10°06'39,21"N	104°09'16,14"E
T132	10°06'32,46"N	104°08'53,39"E	10°06'28,84"N	104°08'59,83"E
T133	10°06'22,09"N	104°08'37,08"E	10°06'18,47"N	104°08'43,52"E
T134	10°06'11,71"N	104°08'20,77"E	10°06'08,10"N	104°08'27,21"E
T135	10°06'01,34"N	104°08'04,46"E	10°05'57,72"N	104°08'10,90"E
T136	10°05'50,97"N	104°07'48,15"E	10°05'47,35"N	104°07'54,59"E
T137	10°05'44,20"N	104°07'37,51"E	10°05'40,58"N	104°07'43,94"E
T138	10°05'37,32"N	104°07'26,70"E	10°05'33,71"N	104°07'33,14"E
T139	10°05'26,95"N	104°07'10,39"E	10°05'23,33"N	104°07'16,83"E
T140	10°05'16,58"N	104°06'54,08"E	10°05'12,96"N	104°07'00,52"E

Tên trụ	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T141	10°05'06,20"N	104°06'37,77"E	10°05'02,59"N	104°06'44,21"E
T142	10°04'55,83"N	104°06'21,46"E	10°04'52,21"N	104°06'27,90"E
T143	10°04'45,46"N	104°06'05,16"E	10°04'41,84"N	104°06'11,59"E
T144	10°04'35,08"N	104°05'48,85"E	10°04'31,46"N	104°05'55,28"E
T145	10°04'28,22"N	104°05'38,06"E	10°04'24,60"N	104°05'44,50"E
T146	10°04'27,10"N	104°05'24,98"E	10°04'23,48"N	104°05'31,41"E
T147	10°04'25,43"N	104°05'05,34"E	10°04'21,82"N	104°05'11,78"E
T148	10°04'23,76"N	104°04'45,71"E	10°04'20,15"N	104°04'52,14"E
T149	10°04'22,09"N	104°04'26,07"E	10°04'18,47"N	104°04'32,51"E
T150	10°04'20,42"N	104°04'06,44"E	10°04'16,80"N	104°04'12,87"E
T151	10°04'18,74"N	104°03'46,80"E	10°04'15,13"N	104°03'53,24"E
T152	10°04'17,07"N	104°03'27,17"E	10°04'13,46"N	104°03'33,60"E
T153	10°04'15,40"N	104°03'07,53"E	10°04'11,78"N	104°03'13,97"E
T154	10°04'13,72"N	104°02'47,90"E	10°04'10,11"N	104°02'54,34"E

1. Đặc tính ban ngày

+ Hình dạng: Thiết bị đèn báo hiệu được lắp trên khung lưới thép hình trụ (khung giá đỡ đèn).

+ Kích thước khung giá đỡ đèn: 0,55x0,55x1,5m

+ Màu sắc: toàn thân màu vàng.

+ Dấu hiệu đỉnh: Hình chữ "X" màu vàng.

+ Chiều cao toàn bộ khung giá đỡ đèn: 1,910 m.

2. Đặc tính ánh sáng ban đêm.

+ Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng vàng, chớp nhóm 2 chu kỳ 10s.

+ Phạm vi chiếu sáng: 360°.

+ Chiều cao tâm sáng: 6m tính từ mực nước triều thiên văn cao nhất.

+ Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5÷03 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T=0,74$.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành trình trên vùng biển tỉnh Kiên Giang chú ý các báo hiệu có đặc điểm nêu trên, giữ khoảng cách an toàn, liên lạc thông suốt, tăng cường cảnh giới, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH KV V;
- Cty TNHH MTV TTĐT Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH_{Lộc}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) |
| 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển | 14 Cty CP Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP |
| 4 Chi Cục Đường thủy nội địa KV III | 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP) | 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) | 20 Cty CP Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) | 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh |
| - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) | 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam | 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) | 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang |
| 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO | 25 P. Cảnh sát GTĐT Kiên Giang |
| 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 26 Sở GTVT tỉnh Kiên Giang |
| 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 27 Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang |
| - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) | 28 Đài thông tin Duyên hải Phú Quốc |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) | 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 30 Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) | |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế | |
| - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang | |
| - Cty Vận tải Biển Bắc | |
| 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) | |
| 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) | |
| 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển | |

⁽¹⁾ Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP